

Bản án số: 205/2019/HS-PT

Ngày 10 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hương;

Ông Nguyễn Thành Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 344/2018/TLPT-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T; do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2018/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 199X tại An Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp Tr, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thúy L; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 22/2019/LCĐKNCT ngày 05-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn Ng, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn M; Đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:* Ông Lê Chí T (cha bị hại) và bà Nguyễn Thị Ngọc H (mẹ bị hại); cùng cư trú tại: Ấp Tr, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Chí T và bà Nguyễn Thị Ngọc H (văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 5 năm 2018): Ông Lê Thường K; nơi đăng ký thường trú: Ấp Tr, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang; cư trú tại: Số K, Khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Vào khoảng 18 giờ ngày 22/4/2018, Nguyễn Văn T cùng anh Nguyễn Hoàng Ph, anh Lê Ngọc K, anh Ngô Chí H và chị Lê Thị Mỹ T rủ nhau đi vào hồ Thủy điện T, huyện V, để chơi và uống cà phê. Theo bị cáo T khai nhận, trước đó, cả nhóm đã uống rượu, bia từ khoảng 10 giờ đến 13 giờ cùng ngày thì nghỉ. Tất cả 05 người nêu trên, bắt đầu đi từ xã B - huyện V (lưu thông trên đường ĐT 76X); anh H điều khiển xe mô tô biển số 67M1- 456.XX chở bạn gái Lê Thị Mỹ T đi trước, Tuấn điều khiển xe mô tô biển số 67M1- 527.XX chở anh K đi giữa và anh Ph điều khiển xe mô tô biển số 67M1- 538.XX đi sau. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô trên, đi đến km 06+200 đường ĐT 76X thuộc ấp S, xã B, huyện T, do gặp khúc cua gấp về bên trái nên T đã không làm chủ tay lái, để xe lao xuống lề đường bên phải va đụng vào bờ tường mương thoát nước ven đường làm anh K và T bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa T, tỉnh Đồng Nai. Đến 19 giờ 35 phút cùng ngày thì anh K tử vong.

Kết quả điều tra đã xác định nguyên nhân gây ra tai nạn là do Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 67M1-527.XX chở anh Lê Ngọc K, lưu thông trên đường ĐT 76X theo hướng huyện T - đi huyện V, tỉnh Đồng Nai. Khi gặp khúc cua gấp về bên trái nên Tuấn đã không làm chủ tay lái để xe lao xuống lề đường dẫn đến hậu quả như đã nêu ở trên.

2. Khám nghiệm hiện trường và Giám định:

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông vào lúc 23 giờ ngày 22/4/2018 của Công an huyện T, xác định như sau:

- Xe mô tô biển số 67M1- 527.XX bị kẹt, dựng đứng dưới vách đất ngoài bên phải so với mặt đường, đầu xe quay về hướng Quốc lộ X. Đo từ tâm trục bánh trước và sau xe vào lề đường là 9,1m.

- Vết bánh xe mô tô biển số 67M1- 527.XX in hằn trên mặt đất lề phải đường, dài 38,5m, xuất hiện theo hướng Quốc lộ X đi V.

- Đo từ tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 67M1- 527.XX vào trụ điện là 12,6m.

- Mép ngoài bờ mương thoát nước xuất hiện vết cày dài 0,5m tại nơi vị trí xe mô tô biển số 67M1- 527.XX.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 238/PC54-KLGĐPY ngày 08/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận nguyên nhân tử vong của bị hại Lê Ngọc K như sau:

- Dấu hiệu chính: Xây sát da vùng mặt bên trái và vùng ngực, bụng hai bên, tay trái và đùi phải. Gãy đầu dưới xương ức, gãy cung trước xương sườn phải; rách bao màng tim bên phải; rạn, rách cơ tim tâm nhĩ, vỡ gan mặt trên thùy phải.

- Nguyên nhân tử vong: Sốc chấn thương ngực, bụng, gãy xương ức, gãy xương sườn bên phải, vỡ tim, vỡ gan.

3. *Vật chứng vụ án*: Đối với mô tô biển số 67M1- 527.XX và Giấy phép lái xe hạng A1 là những tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu.

4. *Dân sự*: Nguyễn Văn T đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 15.000.000 đồng để lo chi phí mai táng, gia đình bị hại nhận tiền và làm đơn bãi nại về dân sự; đồng thời, có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

5. *Quyết định của cấp sơ thẩm*:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2018/HS-ST ngày 24-10-2018 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 27/2018/TB-TA ngày 14-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T, đã quyết định tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; xử phạt bị cáo T 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính ngày chấp hành hình phạt. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

6. *Kháng cáo*:

- Ngày 02 tháng 11 năm 2018, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Ngày 06 tháng 11 năm 2018, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê Chí T và bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cho bị cáo T được hưởng án treo hoặc miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T.

7. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ các kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

8. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T do ông Nguyễn Văn Ng trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:

Trên đoạn đường xảy ra tai nạn nơi bị cáo Nguyễn Văn T lưu thông có nhiều đá, sỏi; thời điểm đó, có 02 xe tải đi ngược chiều đã bật đèn chiếu xa, làm bị cáo T bị chói mắt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết này.

Bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại và được gia đình bị hại làm đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt và luôn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

Với những nội dung trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 67M1-527.XX chở anh Lê Ngọc K, lưu thông trên đường ĐT 76X theo hướng huyện T đi huyện V. Khi gặp khúc cua gấp về bên trái, T đã thiếu quan sát và không làm chủ tay lái, để xe lao xuống lề đường dẫn đến hậu quả như đã nêu trên. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Cấp sơ thẩm xác định: Bị cáo và người bị hại có mối quan hệ là bạn bè, bị hại ngồi trên xe do bị cáo chở khi tai nạn xảy ra. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc các trường hợp được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Bị cáo không cung cấp tình tiết mới.

2.3. Về hình phạt:

Bản án hình sự sơ thẩm đã xem xét và đánh giá toàn bộ vụ án, quyết định về hình phạt của cấp sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê Chí T và bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Đối với phần trình bày của người bào chữa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê Chí T và bà Nguyễn Thị Ngọc H;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 140/2018/HS-ST ngày 24-10-2018 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 27/2018/TB-TA ngày 14-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; thời hạn tù được tính từ ngày người bị kết án vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện T;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành